

# TƯỢNG PHẬT THÍCH CA MÂU NI

(Buddha Sàkyamuni)

## DANH HIỆU

Thích Ca, Trung Hoa dịch là Năng nhân. Mâu Ni dịch là Tịch Mặc. Nghĩa là người hay phát khởi lòng nhân mà tâm hồn luôn luôn yên tĩnh.

## LƯỢC SỬ

Trước đây trên 25 thế kỷ, ở Ấn Độ có vị thánh xuất thế, đó là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi ấy, xã hội Ấn Độ chia làm bốn giai cấp: Bà La Môn (Brahmanes), Sát Đế Ly (Kastries), Phệ Xá (Vaisyas) và Thủ Đà (Soudas). Đức Phật Thích Ca sanh trong dòng quý tộc thuộc giai cấp thứ hai. Thân sinh Ngài là vua Tịnh Phạn (Suddodhana) và thân mẫu là hoàng hậu Ma-Gia (Maya), ở thành Ca Tỳ La (Kapilavatsu). Ngài giáng sanh vào ngày trăng tròn, tháng hai Ấn Độ, nhằm ngày rằm tháng tư âm-lịch Trung Hoa. Tên Ngài là Sĩ Đạt Ta (Sidhartha).

Ra đời chưa đầy một tháng, Ngài đã mồ côi mẹ, nhờ Dì mẫu nuôi dưỡng cho đến trưởng thành. Năm 29 tuổi, Ngài trốn vua cha vượt thành xuất gia tầm thầy học đạo. Tương truyền trước khi xuất gia, Ngài đã dạo chơi bốn cửa thành mục kích cảnh sanh, già, bệnh, chết. Từ đó, Ngài ôm lòng thương cảm vô hạn, quyết tìm con đường giải thoát cho mình và tất cả chúng sinh. Vì thế, Ngài cương quyết ruồng bỏ ngai vàng, và mọi lạc thú ở đời, xuất gia tầm đạo, mặc dầu có lắm người hết lời khuyên nhủ ngăn can.

Sau khi xuất gia, Ngài lê bước khắp nơi tìm thầy học đạo. Ngài đã từng tham học với hai vị sư trứ danh đương thời là A La Lã Ca Lan (Aralah-Kalama) và Uất Đà Già La Ma (Udraka-Kamaputar). Nhưng xét đến kết quả đạo lý của họ đều không làm cho Ngài thỏa mãn.

Sau đó, Ngài từ giả họ vào rừng sâu tu khổ hạnh sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn uống chút ít đủ duy trì mạng sống, nhưng rốt cuộc cũng chẳng đem lại kết quả gì. Cuối cùng nhận thấy phương pháp khổ hạnh không phải là con đường chân chính, Ngài liền bỏ từ nó, trở lại lối sống bình thường, vận dụng tâm trí quán sát tướng chân thật của vũ trụ. Một

hôm ngày thứ 49 ở dưới cội Bồ đề, Ngài bùng ngộ thấy rõ chân lý của cuộc đời, biết được mọi người đều có đủ khả năng giác ngộ và giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Sau khi đã chứng đạo, Ngài không áp ủ tư lợi riêng mình liền nhập thế phổ độ chúng sanh. Từ đó, Ngài du hành thuyết pháp suốt 45 năm, chu du đến một phần ba (1/3) xứ Ấn Độ. Những môn đồ được Ngài giáo hóa đông vô kể. Nơi Ngài thường đến và thường lưu trú là thành Vương Xá (Rakagrha) nước Ma Kiệt Đà (Magadha), thành Phệ Xá Ly (Vésali), thành Xá Vệ (Shavasti) nước Câu Tát La (Kosala) v.v...

Năm 80 tuổi, nơi rừng Ta la song thọ (Sala) ngoài thành Câu Thi (Kusinagara), sau buổi thuyết pháp cuối cùng, Ngài vào Niết bàn (Nibbana).

## BIỂU TƯỢNG

Vào trong các chùa Phật giáo Bắc Tông, ngay giữa chánh điện hoặc thờ một tượng Phật Thích Ca, hoặc thờ ba tượng ngồi ngang, đức Thích Ca ngự giữa, bên phải đức Phật Thích Ca là Phật A Di Đà, bên trái là Phật Di Lặc (Phật tương lai). Lối thờ này tượng trưng tam thế Phật, Phật Thích Ca là Phật hiện tại, Phật Di Đà là Phật quá khứ, Phật Di Lặc là Phật tương lai. Bất cứ lối thờ nào, đức Thích Ca đều ngự ở giữa, nên cũng gọi Ngài là đức Trung Tôn.

Tượng Phật Thích Ca không giống người Ấn Độ, mà tùy ở nước nào tạo tượng Ngài giống người nước ấy. Ngài ngự trên đài sen, hai tay để ấn tam muội, đôi mắt khép lại ba phần tư (3/4).

## THÂM Ý

Nhìn sơ qua hình tượng đức Phật Thích Ca, chúng ta đã thấy những điểm cách xa thực tế. Tại sao người ta không tạo tượng Ngài thật giống người Ấn Độ ngồi trên tòa cỏ dưới cội cây Bồ Đề?

Bởi vì Bắc Tông Phật giáo quan niệm đức Phật không phải căn cứ vào con người xác thịt tầm thường, mà thấy Phật là pháp thân thường trụ. Hiện thân Thái Tử Sĩ Đạt Ta tu hành thành Phật, chỉ là một giai đoạn, một hóa thân tùy cơ cảm của chúng sanh thị hiện đầy thôi. Đã là hóa thân tùy cơ cảm thì ở đâu có cảm đức Phật đều ứng hiện như nguyện để độ họ. Vì thế, ở Việt Nam, cảm mộ Phật, Phật sẽ thị hiện người Việt Nam, ở Trung Hoa cảm mộ Phật, Phật sẽ hiện người Trung Hoa để hóa độ... Đó là tư tưởng siêu thực, không còn thấy Phật ở trong một hình thức cố định nào. Đức Phật đã đồng hóa theo từng

dân tộc, từng chủng loại. Do tư tưởng này, Bắc Tông Phật giáo đối với đức Phật không thấy xa lạ, mà rất gần gũi thân mật và phát sinh tín ngưỡng "Phật tùy tâm hiện". Ta hãy nghe vị Quốc Sư núi Yên Tử nói với vua Trần Thái Tông, khi ông này lên núi cầu đạo:

"Núi vốn không có Phật, chỉ có ở tâm. Lắng tâm mà thấy, đấy gọi là chân Phật. Nay bệ hạ muốn giác ngộ tâm ấy thì đứng ở trần gian mà thành Phật, không phải khốn khổ cầu Phật ở ngoài". (Khóa Hư Lục)

Đã tin Phật tùy tâm hiện, nếu tâm mình tưởng Phật tức là có Phật hiện đến. Do đó phát sinh tín ngưỡng "Phật hiện cứu khổ mọi người". Cho nên, những khi lâm tai, mắc họa, người ta hay thành kính, lễ mễ cầu Phật hiện mách bảo cho phương cách thoát khỏi tai họa.

Phật ngự trên đài sen cũng là một ý nghĩa tượng trưng siêu thực. Bởi vì hoa sen được biểu thị cho đức tánh thanh tịnh và giải thoát. Hoa sen phát xuất trong lòng vũng bùn nhơ nhớp, mà vẫn tỏa ra mùi hương thanh khiết. Đó là đặc tính không thể tìm được trong các loài hoa khác. Nằm giữa vũng bùn nhơ nhớp, mà không bị lây nhiễm mùi hôi hám, trái lại còn đầy đủ hương vị thơm tho, đó mới thật là thanh tịnh. Vì cái thanh tịnh ngay giữa chỗ ô uế, mới chơn thật thanh tịnh. Nếu hoa sen mọc giữa bãi cát trắng phau, hay trên gò đất khô sạch sẽ, dầu có hương sắc gấp mấy lần hơn vẫn không được quý trọng. Bởi nó chui từ vũng bùn hôi hám mà lên, lại giữ được tánh cách thanh khiết, nên mới được mọi người hâm mộ.

Đức Phật cũng thế, trước kia Ngài cũng là một con người như chúng ta, cũng có gia đình, cũng hưởng giàu sang sung sướng, nhưng con người ấy không bị dục lạc làm ô nhiễm, không bị sợi dây gia đình trói buộc. Ở trong cảnh nhiễm ô dục lạc mà tâm hồn Ngài trinh bạch, ngồi trong tù ngục gia đình mà chí Ngài đã vượt ra ngoài vũ trụ mênh mê. Đức tánh trinh bạch và siêu việt ấy, chỉ có hoa sen mới đủ sức tượng trưng.

Bắc tông Phật giáo đặc trọng ý nghĩa "thanh tịnh trong ô nhiễm" nên chủ trương "phiền não tức bồ đề", "sanh tử tức niết bàn". Không thể tìm Bồ Đề ngoài phiền não, không thể có Niết bàn ngoài sanh tử. Cứ ngay trong phiền não chúng ta khéo chuyển sẽ thành Niết bàn. Không chán sợ trốn tránh, không mơ ước mong cầu nơi nào khác. Vì thế, đi đến chủ trương "tích cực nhập thế". Bởi vì không thể có đức Phật ngoài chúng sanh, không thể có cõi Cực lạc thanh tịnh ngoài cõi Ta bà uế trược.

Đôi mắt đức Phật đăm chiêu nhìn xuống là biểu thị quán sát nội tâm. Giáo lý Phật dạy là giáo lý nội quan, luôn luôn phản chiếu nội tâm để tự giác tự ngộ. Tâm mình là chủ nhân ông của mọi hành động, mọi nghiệp quả. Ngộ được tự tâm là thấy được nguồn gốc vũ trụ và Nhơn sinh. Vì thế, Phật giáo chủ trương con người làm chủ mọi quả báo an lạc hay đau khổ của mình. Muốn tránh quả khổ đau, cầu quả an lạc, con người phải tự sửa đổi hành vi trong tâm niệm và hành động nơi tự thân mình. Một tâm niệm lành, một hành động tốt sẽ đến cho ta kết quả an vui hạnh phúc. Ngược lại, một tâm niệm ác, một hành động xấu sẽ chuộc lấy kết quả khổ đau về nơi mình. Chỉ có ta mới đủ thẩm quyền ban phúc giáng họa cho ta. Sự cầu cạnh, sự van xin nơi tha nhân hay thần linh, nếu có chỉ là phần phụ thuộc không đáng kể. Cho nên, ta phải quán sát lại ta, để luyện lọc tâm tánh và sửa đổi hành động của mình. Ách yếu của sự tu hành là phản quán tự tâm. Vua Trần Nhân Tông hỏi về bốn phận, tôn chỉ thiền, Tuệ Trung Thượng sĩ đáp:

"Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha tắc" (Soi lại nơi mình là bốn phận, không từ nơi người mà được). (Tam tổ thực lục)

Những phút sống lại nội tâm đương nhiên đôi mắt đăm chiêu nhìn xuống. Như khi chúng ta kiểm soát lại tâm tư hay hành động của mình, dù đi, đứng, ngồi đôi mắt chúng ta nhất định phải nhìn xuống. Khi chúng ta muốn van xin điều gì với những người đáng kính bên ngoài dĩ nhiên đôi mắt phải trông lên vị ấy. Vì thế, khi nhìn lên đôi mắt đức Phật, đôi mắt các vị thánh của tôn giáo khác, chúng ta có thể nhận biết tôn giáo nào chủ trương nội quan, tôn giáo nào chủ trương ngoại quan.

Trên đỉnh đức Thích Ca có cục thịt nổi cao gọi là nhục kế (cục thịt đỏ), để biểu thị cho trí tuệ tuyệt vời. Theo các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... trên đỉnh đức Phật có tướng không thể thấy, tướng ấy bậc Bồ Tát từ Sơ địa trở lên chỉ thấy được đôi phần, trừ Phật với Phật mới thấy trọn vẹn. Tướng ấy biểu thị cho pháp thân. Vì chúng sanh không thể thấy nên gọi là "Vô kiến đỉnh tướng".

Chung quanh tượng Phật có những tia hào quang sáng chiếu để tiêu biểu ánh sáng trí tuệ của Phật lúc nào cũng soi sáng thế gian. Theo trong kinh nói chung quanh đức Phật luôn luôn có hào quang soi sáng một tầm. Bởi vì con người luôn luôn có một lớp nghiệp bao quanh, nếu nghiệp ác thì hiện lên vùng hắc ám, chúng sanh trông thấy kinh sợ, nếu nghiệp thiện thì hiện ra ánh sáng trong lành, chúng sanh trông thấy sanh tâm kính mến.

Vì mắt thịt chúng ta quá thô thiển nên không thể trông thấy rõ ràng, song nếu tinh tế nhận xét cũng có thể biết được phần nào. Như người hiền lành đến trước chúng ta, nhìn thoáng gương mặt là ta có cảm tình ngay. Nếu người dữ đến trước chúng ta, nhìn sơ qua ta tự nhiên nảy sanh ác cảm liền. Cái linh cảm ấy không phải căn cứ vào hình thức, mà nó siêu hình thức. Thiết thực nhứt là các anh đồ tể khi vào xóm làng bị chó theo đuổi sủa không thôi, dù họ chỉ đi tay không cũng thế. Cho nên ngày xưa các vị tu hành đắc đạo, có ai đến tham học, một phen nhìn qua là các Ngài biết phước duyên kẻ ấy mỏng hay dày, rồi tùy căn cơ giáo hóa. Đức Phật là con người thuần thiện, tâm thanh tịnh, trí sáng suốt thì ánh sáng hào quang bao bọc chung quanh là lẽ đương nhiên.

Phật giáo Bắc Tông thường thờ tượng Phật Thích Ca sơ sanh. Tượng này hình một hài nhi đứng trên hoa sen, tay mặt chỉ lên, tay trái chỉ xuống. Đó là biểu thị một bậc thánh nhân xuất thế, vừa lọt lòng mẹ đã có những hành động siêu phàm. Và câu Ngài thốt ra lúc ấy là:

Trên trời dưới trời,  
Chỉ ta hơn hết;  
Tất cả thế gian  
Sanh, già, bệnh, chết.

Nghĩa là từ nhơn gian đến các cõi trời, đối với vấn đề sanh, già, bệnh, chết, chỉ có Ngài là người vượt ra và cứu thoát tất cả. Song Bắc Tông Phật giáo thường thường dẫn hai câu đầu thôi, để nhấn mạnh vào chữ "ta" ám chỉ pháp thân tuyệt đối, trên trời dưới đất không gì bì kịp.

Đây chỉ lược giải thích vài đặc điểm trong hình tượng đức Phật Thích Ca. Mong rằng mỗi khi đến lễ dưới chân tượng Ngài, mỗi người đều ý thức được mình phải làm gì đối với hình ảnh biểu thị ấy. Sự hữu ích của việc lễ Phật gốc ở chỗ nhận được thâm ý, rồi thể theo đó sống một cuộc đời cao đẹp như Ngài.

